

15

VP. UBND. HẢI PHÒNG
LƯU TRỮ

ỦY BAN NHÂN DÂN
Thành phố Hải Phòng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

---##---

Số: 2545/QĐ-UB

Hải Phòng, ngày 5 tháng 11 năm 1996

Quyết định của Ủy ban Nhân dân thành phố số 2545-QĐ/UB ngày 05 tháng 11 năm 1996 Về việc Ban hành bản quy định tạm thời về tiếp tục đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác và Hợp tác xã trong nông nghiệp trên địa bàn Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG.

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân;
- Thực hiện Nghị quyết 03/NQ-TU ngày 26/9/1996 của Ban Thường vụ Thành ủy về tiếp tục đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác và Hợp Tác Xã trong nông nghiệp;
- Xét đề nghị của Ông Trưởng Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác và Hợp Tác Xã trong nông nghiệp thành phố, Ông Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hải Phòng;

QUYẾT ĐỊNH

Điều I: Ban hành kèm theo quyết định này Bản quy định tạm thời của Ủy ban Nhân dân thành phố về tiếp tục đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác và Hợp Tác Xã trong nông nghiệp trên địa bàn thành phố, qua thời gian thực hiện các xã điểm và khi Chính phủ có văn bản ban hành chính thức về hướng dẫn thực hiện Luật Hợp Tác Xã. Căn bổ sung, hoàn thiện để phù hợp tình hình thực tiễn của các địa phương trên địa bàn thành phố.

Điều II: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, các văn bản trước đây của Ủy ban Nhân dân thành phố ban hành trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều III: Các ông, bà Chánh văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố, Thủ trưởng các ngành của thành phố, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, quận, thị xã, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- TTU, TTHĐND
- CT và các PCT UBND TP
- Bộ NN và PTNN
- Như điều 3 (để thi hành)
- Các Ban của Đảng, của Đoàn thể QC
- VPTU, các cơ quan thông tin đại chúng
- CPVP, các Tổ CV UBND-HĐND TP
- Lưu (N.200b)

T/M. UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG



Trần Huy Năng

ỦY BAN NHÂN DÂN
Thành phố Hải Phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----*

Hải Phòng, ngày 05 tháng 11 năm 1996

QUY ĐỊNH (TẠM THỜI)

"V/V: TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỢP TÁC
VÀ HỢP TÁC XÃ TRONG NÔNG NGHIỆP"

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2545 ngày 05/11/1996
của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng).

Thi hành Nghị quyết 03 /NQ-TU ngày 26/9/1996 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc tiếp tục đổi mới phát triển kinh tế hợp tác và Hợp tác xã trong nông nghiệp. Ủy ban Nhân dân thành phố ban hành Bản quy định tạm thời về việc: Tiếp tục đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác và Hợp tác xã trong nông nghiệp.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Kinh tế hợp tác và Hợp tác xã trong nông nghiệp bao gồm các loại hình: Hợp tác xã nông nghiệp và Tổ hợp tác nông nghiệp:

1- Hợp tác xã nông nghiệp: Là tổ chức kinh tế tự chủ do hộ nông dân và những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và của từng xã viên nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho kinh tế hộ gia đình, của các xã viên và kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và các ngành nghề khác.

2- Tổ hợp tác nông nghiệp: Là hình thức hợp tác giản đơn, giới hạn một số khâu, một số việc, được tổ chức hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với đặc điểm ngành nghề, trình độ sản xuất, tâm lý và tập quán từng nơi, có tác dụng thiết thực đối với sản xuất, đời sống ở nông thôn.

Điều 2: Tính chất của Hợp tác xã nông nghiệp và Tổ hợp tác nông nghiệp:

- Hợp tác xã nông nghiệp là một tổ chức kinh tế được pháp luật bảo hộ, có tư cách pháp nhân và chịu sự điều chỉnh của Luật Hợp tác xã và các quy định của Ủy ban Nhân dân thành phố.

- Tổ hợp tác nông nghiệp là một tổ chức kinh tế tự trang trải, không có tư cách pháp nhân, được sự bảo hộ của chính quyền địa phương và chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự.

Điều 3: Các nguyên tắc tổ chức của Hợp tác xã nông nghiệp và Tổ hợp tác nông nghiệp:

- Hợp tác xã nông nghiệp và Tổ hợp tác nông nghiệp được tổ chức theo nguyên tắc: Tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và cùng có lợi.

- Trong một địa phương (xã, thôn) có thể cùng tồn tại nhiều loại hình kinh tế hợp tác có nội dung hoạt động không chồng chéo nhau. Một người nông dân nếu đủ điều kiện và tự nguyện có thể tham gia làm thành viên nhiều loại hình hợp tác khác nhau ở địa phương.

Điều 4: Phương hướng đổi mới kinh tế hợp tác xã của thành phố:

1- Tiếp tục đổi mới theo luật Hợp tác xã đối với các Hợp tác xã hiện có đã bước đầu chuyển đổi hoạt động có hiệu quả, được xã viên đồng tình, tín nhiệm, Hợp tác xã còn vốn, quỹ, không nợ đọng Nhà nước, cơ sở vật chất kỹ thuật khá, cán bộ có năng lực, điều hành quản lý (Hợp tác xã, được xếp loại khá).

2- Giải thể các Hợp tác xã hoạt động yếu kém, tồn tại chỉ là hình thức, Phải tổ chức lại các loại hình hợp tác mới: Hợp tác xã mới đúng luật, Tổ hợp tác nông nghiệp (Hợp tác xã, được xếp loại trung bình, yếu kém).

3- Các địa phương có Tổ, Đội dịch vụ do chính quyền quản lý, điều hành phải chuyển ngay sang Tổ hợp tác nông nghiệp hay Hợp tác xã nông nghiệp (nếu có đủ điều kiện thành lập Hợp tác xã) chấm dứt sự điều hành của chính quyền với các Tổ, Đội dịch vụ.

Điều 5: Yêu cầu của việc tiếp tục đổi mới hay giải thể, thành lập Hợp tác xã, Tổ hợp tác mới:

- Không ảnh hưởng tới sản xuất của địa phương và các hộ nông dân. Các yêu cầu dịch vụ cần thiết của sản xuất hộ nông dân phải có một tổ chức hợp tác nhất định đáp ứng.

- Thận trọng, không ô ạt, nóng vội, áp đặt; Cũng không trì trệ, buông trôi, chờ đợi kéo dài. Cần có kế hoạch, nội dung, bước đi phù hợp thực tế địa phương dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy Đảng, chính quyền và Ban chỉ đạo cấp huyện, xã.

Chương II

Đổi mới các Hợp tác xã loại khá theo luật:

(Đã chuyển đổi hoạt động bước đầu có hiệu quả)

A. Đổi mới hình thức và tổ chức Hợp tác xã:

Điều 6:

- Hợp tác xã phải là một tổ chức kinh tế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả hoạt động của mình và tham gia đóng góp vào các hoạt động xã hội ở địa phương.

- Chính quyền địa phương thực hiện chức năng quản lý hành chính về kinh tế với Hợp tác xã; không can thiệp trực tiếp vào hoạt động kinh doanh và quản lý điều hành của Hợp tác xã; Chính quyền hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện, môi trường, hành lang pháp lý cho Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.

Điều 7: Mỗi Hợp tác xã nông nghiệp phải có điều lệ hợp tác xã và điều lệ được đại hội xã viên biểu quyết thông qua (xã viên mới là hộ hay lao động do địa phương hoặc đại hội xã viên quyết định).

Điều 8:

1- Xã viên: Hợp tác xã tổ chức kê khai đăng ký lại xã viên. Mỗi xã viên cũ muốn đăng ký lại phải có đơn tự nguyện và đảm bảo thực hiện các quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền lợi xã viên trong điều lệ hợp tác xã mới.

- Các hộ nông dân, người lao động chưa là xã viên hợp tác xã cũ, muốn gia nhập hợp tác xã mới phải có đơn tự nguyện góp cổ phần và được Đại hội xã viên xem xét quyết định.

2- Cơ cấu tổ chức Hợp tác xã bao gồm:

+ Bộ máy quản lý Hợp tác xã: Ban quản trị, Ban kiểm soát, kế toán, thủ quỹ, thủ kho...

+ Các Tổ, đội sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Những người trong bộ máy quản lý, phụ trách các Tổ, đội của Hợp tác xã phải là xã viên Hợp tác xã. Các lao động trong Tổ, Đội của Hợp tác xã, ngoài xã viên Hợp tác xã có thể hợp đồng theo yêu cầu từng kỳ, từng việc với người lao động bên ngoài.

- Bộ máy quản lý có biên chế gọn nhẹ, đủ năng lực quản lý, điều hành hoạt động Hợp tác xã có hiệu quả.

Điều 9: Ban quản trị, Ban kiểm soát:

- Số lượng thành viên Ban quản trị, Ban kiểm soát do điều lệ Hợp tác xã quy định.

- Tiêu chuẩn thành viên Ban quản trị, Ban kiểm soát:

+ Phải là xã viên Hợp tác xã, có trình độ, năng lực quản lý kinh tế, kiến thức ngành nghề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hợp tác xã, có đạo đức, phẩm chất tốt được xã viên tín nhiệm.

+ Thành viên Ban quản trị không được là thành viên Ban kiểm soát và ngược lại. Trong gia đình có người là thành viên trong Ban quản trị (cha, mẹ, vợ chồng, con, anh, chị, em ruột) không được làm kiểm soát và ngược lại.

+ Thành viên Ban quản trị - Ban kiểm soát không được là Kế toán trưởng, thủ quỹ của Hợp tác xã. Khi trong gia đình có người là thành viên Ban quản trị hoặc Ban kiểm soát thì các thành viên khác trong gia đình (cha, mẹ, vợ chồng, con hoặc anh, chị, em ruột) không được làm kế toán trưởng hoặc thủ quỹ.

- Nhiệm kỳ Ban kiểm soát, Ban quản trị từ 2 - 5 năm, do điều lệ Hợp tác xã quy định cụ thể.

- Thành viên Ban quản trị, Ban kiểm soát, Chủ nhiệm do Đại hội xã viên hoặc đại hội đại biểu xã viên bầu.

- Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu.

- Phó Chủ nhiệm, kế toán trưởng do Chủ nhiệm chọn cử và được Ban quản trị chấp thuận.

B. Đổi mới nội dung hoạt động của Hợp tác xã:

Điều 10: Nội dung hoạt động của Hợp tác xã:

- Hợp tác xã nông nghiệp được quyền lựa chọn các lĩnh vực sau làm nội dung hoạt động:

1- Làm dịch vụ hỗ trợ cho kinh tế hộ phát triển:

+ Tưới tiêu nước, xây dựng cứng hóa hệ thống kênh mương và điều hành nước theo yêu cầu của cây trồng.

+ Phòng trừ sâu bệnh cây trồng, dịch bệnh vật nuôi.

+ Cung ứng vật tư nông nghiệp, giống cây trồng, vật nuôi.

+ Thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông lâm, thủy sản.

+ Làm đất bằng máy.

+ Các dịch vụ khác mà xã viên yêu cầu.

2- Tổ chức công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư trong Hợp tác xã.

3- Hoạt động tín dụng ở nông thôn.

4- Sản xuất nông nghiệp (sản xuất giống cây, con, sản xuất nông sản xuất khẩu, nông sản tiêu thụ đặc biệt...) hay sản xuất công nghiệp, trước hết là công nghiệp chế biến Nông, Lâm sản và xuất khẩu.

5- Nuôi trồng thủy sản.

6- Tổ chức các dịch vụ phục vụ đời sống xã viên và nhân dân địa phương.

- Tùy theo năng lực, điều kiện thực tế Hợp tác xã chọn một, hay một số lĩnh vực trên làm nội dung hoạt động.

Điều 11: Phương thức hoạt động:

- Phương thức hoạt động của Hợp tác xã được quy định trong điều lệ Hợp tác xã, các quy định đó, phải đảm bảo hai nguyên tắc chính sau:

+ Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng kinh tế bình đẳng, thoả thuận giữa Hợp tác xã với khách hàng (bao gồm cả xã viên).

+ Mọi hoạt động của Tổ, Đội trong Hợp tác xã được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giao khoán giữa Ban quản trị với Tổ - Đội, giữa người phụ trách Tổ, Đội với người lao động trong Tổ, Đội.

- Chủ nhiệm được Đại hội xã viên giao khoán tài sản, vốn, với cam kết bảo toàn và phát triển vốn.

C. Đổi mới cơ chế quản lý Tài chính:

Điều 12: Tài sản và vốn cố định:

1- Các Hợp tác xã phải kiểm kê, phân loại, đánh giá lại tài sản và thực hiện:

a- Giữ lại các tài sản dùng cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và giao khoán cho Chủ nhiệm quản lý, sử dụng dưới sự giám sát của Ban quản lý Hợp tác xã theo điều lệ.

b- Chuyển giao các tài sản dùng cho phúc lợi xã hội, lợi ích công cộng như: công trình điện, đường, trường, trạm, nhà trẻ, mẫu giáo, hội trường... cho Ủy ban Nhân dân xã quản lý phục vụ nhân dân trong xã. Khi bàn giao phải xác định giá trị còn lại của tài sản và các tồn tại quan hệ tài chính trong việc đầu tư ban đầu.

c- Tài sản cố định gắn liền trên đất, trước khi tổ chức, cá nhân nào được nhận quyền sử dụng đất phải thanh toán cho Hợp tác xã giá trị còn lại của mỗi tài sản cố định theo giá thời điểm bàn giao.

d- Các tài sản không sử dụng hay hư hỏng chờ thanh lý giao cho Ban thu hồi nhập vốn kinh doanh của Hợp tác xã.

2- Các tài sản giao khoán cho Chủ nhiệm quản lý, khi sử dụng phải được khấu hao cơ bản đầy đủ đúng quy định và tính vào đơn giá dịch vụ, giá thành sản phẩm, công việc. Số khấu hao cơ bản trích được hàng năm được hạch toán nhập tăng vốn kinh doanh Hợp tác xã.

Điều 13: Vốn của Hợp tác xã:

1- Vốn hoạt động của Hợp tác xã (Vốn cố định và vốn lưu động): Thường xuyên được kiểm kê theo định kỳ quy định của pháp lệnh kế toán thống kê hay khi có biến động về tổ chức của Hợp tác xã (Chia tách, sát nhập, giải thể, thay Chủ nhiệm).

2- Trong đợt kiểm kê để đổi mới Hợp tác xã theo luật phải xác định tổng vốn còn lại và quy thành cổ phần của xã viên.

3- Xây dựng vốn điều lệ của Hợp tác xã, vốn điều lệ bao gồm: Vốn đã có (ở điểm 2) và vốn góp thêm của xã viên (nếu có).

- Từ vốn điều lệ đã xây dựng, xác định vốn cổ phần cho một xã viên làm cơ sở góp vốn khi kết nạp xã viên mới hay thanh toán khi có xã viên xin ra Hợp tác xã sau này.

Điều 14: Các Hợp tác xã phải có phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hàng năm. Nội dung cần phải có trong phương án gồm:

- Cơ chế quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.
- Đơn giá phí dịch vụ, đơn giá sản phẩm, công việc.
- Hạch toán kinh tế.
- Kế hoạch sử dụng vốn hoạt động và các giải pháp xử lý vốn.

Điều 15: Chế độ hạch toán kinh tế:

Thực hiện hạch toán theo quy định của pháp lệnh kế toán thống kê (trong lúc Nhà nước chưa ban hành chế độ kế toán thống kê cho các Hợp tác xã nông nghiệp, tạm thời các Hợp tác xã áp dụng chế độ kế toán 15 tài khoản đang dùng hiện nay và văn bản hướng dẫn của Liên ngành Nông Lâm nghiệp - Tài chính địa phương).

Điều 16: Chế độ phân phối:

1- Thực hiện phân phối theo kết quả lao động, theo cổ phần góp và mức độ sử dụng dịch vụ của Hợp tác xã.

Tiền lương, tiền thưởng của bộ máy quản lý, Tổ, Đội sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được trả theo kết quả công việc, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã.

2- Phân phối lãi:

Sau khi thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước (nếu có) số lãi còn lại được phân phối theo thứ tự: Bù lỗ kỳ trước (nếu có) trả lãi cổ phần cho xã viên, trích quỹ phát triển sản xuất, quỹ dự phòng, quỹ khen thưởng. Mức trích do điều lệ Hợp tác xã quy định.

3- Xử lý lỗ:

Nếu có lỗ, phải làm rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan và xử lý theo quy định trong điều lệ Hợp tác xã và quyết định của Đại hội xã viên.

Chương III

Giải thể các Hợp Tác Xã yếu kém, hoạt động không có hiệu quả:

Điều 17: Việc giải thể các Hợp tác xã cần đảm bảo nguyên tắc:

- Đại hội xã viên biểu quyết tán thành giải thể.

- Các tài sản, vốn quỹ, công nợ phải được kiểm kê đánh giá, xác định đúng, đủ và xử lý theo phương án đã được Đại hội xã viên biểu quyết thông qua đặc biệt là phương án xử lý công nợ trong nội bộ Hợp tác xã (xã viên nợ Hợp tác xã, Hợp tác xã nợ xã viên).

- Những tài sản không được chia (các tài sản dùng cho sản xuất, dịch vụ, kinh doanh, tài sản phúc lợi) bàn giao cho Ủy ban Nhân dân xã quản lý có sự giám sát của Hội đồng Nhân dân xã, Ủy ban Nhân dân xã cho các tổ chức Hợp tác mới (Hợp tác xã mới, tổ hợp tác) thuê các tài sản dùng cho dịch vụ sản xuất để phục vụ các khâu thiết yếu cho sản xuất của các hộ nông dân.

- Tài sản được chia:

a- Tài sản thanh lý, cho bán thu hồi vốn.

b- Vốn, quỹ còn lại được dùng thanh toán (nếu có) theo trình tự sau:

+ Trả các khoản Hợp tác xã nợ xã viên.

+ Trả nợ các tổ chức kinh tế, Ngân hàng, cá nhân ngoài Hợp tác xã.

+ Trả các khoản Hợp tác xã còn nợ ngân sách.

Sau khi thanh toán hết các nội dung trên phần vốn còn lại được chia cho xã viên hoặc giao cho chính quyền xã quản lý phục vụ lợi ích công cộng nhất thiết phải có sự giám sát của Hội đồng Nhân dân xã.

Nếu giá trị tài sản, vốn quỹ còn lại không đủ để trả nợ thì xử lý theo Luật phá sản doanh nghiệp.

Điều 18: Trước khi giải thể Hợp tác xã, ban chỉ đạo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Nhân dân cấp có thẩm quyền giúp Ban quản trị Hợp tác xã cũ giải quyết dứt điểm việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài cho các hộ nông dân.

Điều 19: Quá trình giải thể nếu có sự bất đồng giữa Ban quản trị cũ với xã viên, Ban chỉ đạo có trách nhiệm xem xét, giải quyết.

Các khiếu nại, tranh chấp giữa xã viên với Ban quản trị, giữa Hợp tác xã với các bên có liên quan do Ủy ban Nhân dân huyện giải quyết.

Điều 20: Gắn liền với việc giải thể, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy xã, Ban chỉ đạo phối kết hợp với các hội, Đoàn thể tuyên truyền, vận động, khuyến khích xây dựng các loại hình hợp tác mới ở xã: Hợp tác xã mới đúng Luật, tổ hợp tác dịch vụ nông nghiệp để đáp ứng kịp thời nhu cầu thiết yếu trong sản xuất của các hộ nông dân.

Chương IV

Thành lập Hợp tác xã nông nghiệp theo Luật và các Tổ hợp tác nông nghiệp.

Điều 21:

- Ở các địa phương thực hiện giải thể Hợp tác xã, hay có các Tổ - Đội dịch vụ do chính quyền quản lý điều hành cần phải nhanh chóng thực hiện:

+ Nếu có đủ điều kiện cần thành lập Hợp tác xã nông nghiệp theo Luật.

+ Nếu chưa đủ điều kiện, thành lập các Tổ hợp tác nông nghiệp dịch vụ các khâu thiết yếu của sản xuất theo quy chế tự quản lý, chính quyền không điều hành trực tiếp các tổ chức này.

Điều 22: Việc thành lập các Hợp tác xã mới, Tổ hợp tác phải đảm bảo các nguyên tắc, quy trình, thủ tục của Luật Hợp tác xã, Nghị định Chính phủ và hướng dẫn của Thành phố.

Điều 23: Vốn và tài sản dùng trong hoạt động của Hợp tác xã mới và Tổ hợp tác như sau:

1- Vốn hoạt động được hình thành từ các nguồn:

+ Vốn góp cổ phần của xã viên Hợp tác xã hay thành viên tổ hợp tác - vốn góp là tiền mặt hay hiện vật được quy ra giá trị mức góp cổ phần do Đại hội xã viên hay hội nghị thành viên quy định lý do, tổng tài sản kinh nghiệm báo cáo về Ban chỉ đạo Thành phố.

+ Vốn vay của các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế, cá nhân với lãi suất thỏa thuận, trong khung quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Quỹ khuyến nông do Ủy ban Nhân dân xã trích từ quỹ đất công ích chuyển sang theo Quyết định 03 /QĐ-UB ngày 04/01/1994 của Ủy ban Nhân dân Thành phố.

2- Tài sản dùng trong hoạt động bao gồm :

+ Do các xã viên hay thành viên góp cổ phần bằng hiện vật .

+ Mua sắm trang bị ban đầu .

+ Mua hay thuê các tài sản của Hợp tác xã cũ do Ủy ban Nhân dân đang quản lý .

Điều 24: Hình thức tổ chức, nội dung hoạt động, cơ chế quản lý kinh tế, tài chính của Hợp tác xã mới hay Tổ hợp tác áp dụng theo nội dung từ Điều 6 đến Điều 16 của chương II.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25:

1- Thành lập Ban chỉ đạo đổi mới Hợp tác xã từ thành phố, huyện, thị đến xã, phường để chỉ đạo thực hiện .

2- Ban chỉ đạo ở Huyện, Thị có thành phần:

+ Trưởng ban: Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân .

+ Các thành viên:

- Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn .

- Phòng Tài chính.

- Ngân hàng Nông nghiệp.

- Phòng Tổ chức chính quyền.

- Hội Nông dân .

Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo: hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, cơ sở thực hiện tốt nội dung đổi mới Hợp tác xã, phát triển kinh tế hợp tác theo tinh thần Nghị quyết 03 /NQ-TU của Ban Thường vụ Thành ủy và quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố. Định kỳ sơ, tổng kết rút kinh nghiệm báo cáo về Ban chỉ đạo Thành phố.

Điều 26:

3- Ban chỉ đạo đổi mới Hợp tác xã của xã, phường:

+ Trưởng ban là đồng chí Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã.

Các thành viên gồm : Ban quản trị, Ban kiểm soát, kế toán Hợp tác xã, Hội Nông dân, kế toán ngân sách xã, các đoàn thể.

+ Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo: Tổ chức thực hiện đổi mới Hợp tác xã theo Luật, giải thể Hợp tác xã và thành lập loại hình hợp tác mới ở xã.

4- Ban chỉ đạo của cấp nào do Ủy ban Nhân dân cấp đó ra quyết định thành lập và báo cáo danh sách về Ban chỉ đạo cấp trên .

Điều 26: Các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cho phép thành lập Hợp tác xã và đăng ký kinh doanh cho Hợp tác xã là Ủy ban Nhân dân huyện, quận, thị xã theo đề nghị của Ủy ban Nhân dân xã và Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện, quận, thị.

Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cho phép thành lập Tổ hợp tác là Ủy ban Nhân dân xã nơi có Tổ hoạt động theo đơn trình bày của Tổ hợp tác.

Điều 27: Giao cho mỗi huyện tổ chức thí điểm 3 mô hình: Đối mới Hợp tác xã theo luật - giải thể Hợp tác xã yếu kém, lập Hợp tác xã mới theo luật hay Tổ hợp tác mới, chấm dứt sự quản lý điều hành trực tiếp của Chính quyền.

- Thời gian thực hiện: Quý 4/1996.

- Đầu năm 1997 sơ kết rút kinh nghiệm.

Điều 28: Các ngành thành phố có trách nhiệm:

1- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện bản qui định của Ủy ban Nhân dân Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

2- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn về cơ chế quản lý tài chính, chế độ hạch toán, hướng xử lý tài sản công nợ cho các Hợp tác xã.

3- Ngân hàng Nông nghiệp có kế hoạch chỉ đạo các ngân hàng trực thuộc huyện, thị, quận thực hiện chế độ tín dụng vốn Hợp tác xã được cấp đăng ký kinh doanh.

4- Công an thành phố phối hợp các ngành giải quyết thủ tục cấp dấu cho các Hợp tác xã được cấp đăng ký kinh doanh.

5- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ban Tổ chức Chính quyền thành phố phối hợp ban hành tiêu chuẩn Ban quản lý, Chủ nhiệm, kế toán và xây dựng kế hoạch phương án đào tạo cán bộ Hợp tác xã.

Điều 29:

- Bản quy định này thay thế cho Bản quy định 970 của Ủy ban Nhân dân Thành phố ban hành ngày 29 tháng 4 năm 1993.

- Quy định này có hiệu lực từ ngày ký, các văn bản trước đây của Ủy ban Nhân dân Thành phố ban hành trái với quy định này đều bãi bỏ ./.

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG